

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thủy.

2. Ông Lê Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn S, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H và anh Lương Văn S kết hôn năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu nhau, không bị ai ép buộc, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh

phúc được một thời gian. Từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; không có tiếng nói chung; anh Lương Văn S thường xuyên vắng mặt ở nhà, thỉnh thoảng mới về, vợ chồng mỗi người một nơi nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân kể từ đầu năm 2020 đến nay, không chung sống cùng nhau nữa; thỉnh thoảng anh Lương Văn S mới về nhà thăm con rồi lại đi. Kể từ khi ly thân, chị Triệu Thị H và anh Lương Văn S không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Triệu Thị H xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lương Văn S.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Tấn N, sinh ngày 04/9/2011 và cháu Lương Đức A, sinh ngày 07/6/2016. Khi ly hôn, chị Triệu Thị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Tấn N và cháu Lương Đức A đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị H không yêu cầu anh Lương Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con, chị Triệu Thị H có thu nhập ổn định khoảng 08.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Văn S không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Kết quả xác minh tại thôn K, xã M thể hiện: Anh Lương Văn S có biết việc chị Triệu Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu nuôi con nhưng anh Lương Văn S bảo bận, không đến Tòa để giải quyết. Hiện nay, anh Lương Văn S vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về. Theo đại diện thôn K cung cấp, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau; không có tiếng nói chung; anh Lương Văn S thường xuyên vắng mặt ở nhà, thỉnh thoảng mới về; vợ chồng mỗi người một nơi nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không hạnh phúc. Vợ chồng anh Lương Văn S đã ly thân kể từ đầu năm 2020 đến nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Triệu Thị H được ly hôn với anh Lương Văn S. Chị Triệu Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Tấn N và cháu Lương Đức A cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Lương Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung

và nợ chung không có yêu cầu, không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Văn S đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà, nguyên đơn chị Triệu Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lương Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Chị Triệu Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Lương Văn S có nơi cư trú tại thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Chị Triệu Thị H và anh Lương Văn S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và tổ chức hôn lễ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng tính tình không hợp nhau; không có tiếng nói chung; anh Lương Văn S thường xuyên vắng mặt ở nhà, thỉnh thoảng mới về; vợ chồng mỗi người một nơi nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Triệu Thị H và anh Lương Văn S có 02 con chung là cháu Lương Tấn N, sinh ngày 04/9/2011 và cháu Lương Đức A, sinh ngày 07/6/2016. Quá trình giải quyết, chị Triệu Thị H thể hiện nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Tấn N và cháu Lương Đức A đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện tại cháu Lương Tấn N và cháu Lương Đức A đang sinh sống, học tập ổn định cùng với mẹ là chị Triệu Thị H, thu nhập trung bình hàng tháng của chị Triệu Thị H được khoảng 8.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Mặt khác, bị đơn anh Lương Văn S thường xuyên vắng nhà; quá trình giải quyết, anh Lương Văn S biết chị Triệu Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi các con nhưng anh Lương Văn S không có ý kiến gửi về Tòa án, cũng không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng của bản thân. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giáo dục.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, nhưng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy, nguyên đơn cũng có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung, do nguyên đơn không có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và người tham gia tố tụng là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra các nhận định, đánh giá phù hợp với đường lối giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị H được ly hôn anh Lương Văn S.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 31/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Chị Triệu Thị H và anh Lương Văn S có 02 con chung là cháu Lương Tân N, sinh ngày 04/9/2011 và cháu Lương Đức A, sinh ngày 07/6/2016.

Khi ly hôn, chị Triệu Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lương Tấn N và cháu Lương Đức A cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị Triệu Thị H chưa yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Triệu Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Triệu Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004921 ngày 06/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt